BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2019/TT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2019*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện, di sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung và hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thư viện, di

sản văn hóa, văn hóa cơ sở, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật (sau đây gọi là chuyên ngành văn hóa) công tác trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành văn hóa công tác trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc thi hoặc xét thăng hạng

1. Việc cử viên chức chuyên ngành văn hóa tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số lượng viên chức ứng với chức danh nghề nghiệp còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức chuyên ngành văn hóa tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa phải bảo đảm bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đang giữ chức danh nghề nghiệp ở hạng thấp hơn liền kề chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 01 (một) năm công tác liền kề với năm nộp hồ sơ dự thi; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phù hợp với chuyên ngành văn hóa.

Điều 4. Xác định các trường hợp áp dụng hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp ngành văn hóa nếu có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành văn hóa, cụ thể:

1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

a) Chuyên ngành thư viện: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng II (mã số V.10.02.05).

b) Chuyên ngành di sản văn hóa: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng II (mã số V.10.05.16).

c) Chuyên ngành văn hóa cơ sở:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III (mã số V.10.06.20) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng II (mã số V.10.06.19).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng II (mã số V.10.07.22).

d) Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh:

- Chức danh đạo diễn nghệ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II (mã số V.10.03.09) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng I (mã số V.10.03.08).

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng II (mã số V.10.03.09).

- Chức danh diễn viên:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II (mã số V.10.04.13) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng I (mã số V.10.04.12).

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng II (mã số V.10.04.13).

đ) Chuyên ngành mỹ thuật:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II (mã số V.10.08.26) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng I (mã số V.10.08.25).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27) được đăng ký dự thi thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng II (mã số V.10.08.26).

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp:

a) Chuyên ngành thư viện: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp thư viện viên hạng III (mã số V.10.02.06).

b) Chuyên ngành di sản văn hóa: Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng IV (mã số V.10.05.18) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp di sản viên hạng III (mã số V.10.05.17).

c) Chuyên ngành văn hóa cơ sở:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng IV (mã số V.10.06.21) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp phương pháp viên hạng III (mã số V.10.06.20).

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng IV (mã số V.10.07.24) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp hướng dẫn viên văn hóa hạng III (mã số V.10.07.23).

d) Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh:

- Chức danh đạo diễn nghệ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng IV (mã số V.10.03.11) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật hạng III (mã số V.10.03.10).

- Chức danh diễn viên:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV (mã số V.10.04.15) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng III (mã số V.10.04.14).

đ) Chuyên ngành mỹ thuật:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng IV (mã số V.10.08.28) được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp họa sĩ hạng III (mã số V.10.08.27).

3. Trường hợp viên chức giữ chức danh nghề nghiệp của chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú hoặc đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật quy định tại điểm a, khoản 4 của các Điều 4, 5, 8 và 9 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh; tại điểm a, khoản 4 của các Điều 4 và 5 Thông tư liên tịch số 07/2016/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành mỹ thuật và được cơ quan có thẩm quyền cử tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3 của Thông tư này, thực hiện việc xét thăng hạng theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Chương II
THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 5. Nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II lên hạng I chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật

1. Thi môn kiến thức chung:

a) Nội dung: 50 câu hỏi kiểm tra kiến thức, năng lực của viên chức về nội dung quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của

viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự thi (chiếm 60% nội dung thi); nội dung định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 40% nội dung thi).

b) Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc thi trắc nghiệm trên giấy.

c) Thời gian: 60 phút.

d) Thang điểm: 100 điểm.

2. Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nội dung: Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng xây dựng, triển khai các tác phẩm, chương trình phù hợp với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng I chuyên ngành dự thi.

b) Hình thức: Sáng tác, xây dựng tác phẩm, chương trình và phỏng vấn hoặc thực hành để bảo vệ tác phẩm, chương trình theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp dự thi.

c) Thời gian: Sáng tác, xây dựng tác phẩm, chương trình: tối đa không quá 08 tiếng; phỏng vấn hoặc thực hành: tối đa không quá 30 phút.

d) Thang điểm 100.

Điều 6. Nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng III lên hạng II chuyên ngành văn hóa

1. Thi môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ, môn tin học:

a) Nội dung gồm 3 phần:

- Môn kiến thức chung: 50 câu hỏi kiểm tra kiến thức, năng lực của viên chức về nội dung quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự thi (chiếm 60% nội dung thi); nội dung định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 40% nội dung thi).

- Môn ngoại ngữ: 25 câu hỏi là một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

- Môn tin học: 25 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

b) Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc thi trắc nghiệm trên giấy. Trường hợp tổ chức thi trắc nghiệm trên máy vi tính đối với 02 môn kiến thức chung và môn ngoại ngữ thì không tổ chức thi môn tin học văn phòng.

c) Thời gian:

- Môn kiến thức chung: 60 phút.

- Môn ngoại ngữ: 30 phút.

- Môn tin học: 30 phút.

d) Thang điểm: 100.

đ) Miễn thi môn ngoại ngữ và môn tin học đối với các trường hợp:

- Viên chức tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng được miễn thi môn ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau:

+ Có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ;

+ Viên chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cơ sở đào tạo cấp theo thẩm quyền;

+ Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng dự thi;

+ Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của hạng dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

+ Viên chức có bằng tốt nghiệp tiến sĩ, thạc sĩ hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 khung Châu Âu trở lên còn thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng đối với thi thăng hạng từ hạng III lên hạng II.

- Viên chức tính đến thời điểm cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng được miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin.

e) Đối với chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và mỹ thuật viên chức dự thi thăng hạng không phải thi ngoại ngữ, tin học.

2. Thi môn chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nội dung: Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng triển khai, xử lý các vấn đề đặt ra trong thực tiễn gắn với tiêu chuẩn về trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng II chuyên ngành dự thi.

b) Hình thức: Thi viết.

c) Thời gian: 180 phút.

d) Thang điểm: 100.

Điều 7. Xác định người trúng tuyển thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật và có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên theo thang điểm 100.

2. Không bảo lưu kết quả các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Chương III
XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 8. Xét thăng hạng viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú hoặc đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật

1. Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 3 Thông tư này, đã được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật được sử dụng một trong các danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật để xét thăng hạng một lần từ hạng thấp lên hạng cao hơn hạng hiện giữ.

2. Việc tổ chức xét thăng hạng đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú, đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về văn

học nghệ thuật và bổ nhiệm vào ngạch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng Đề án và thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

3. Hình thức: Tổ chức thẩm định xét trên hồ sơ.

4. Thời gian: Thực hiện một lần vào Quý IV hàng năm.

Điều 9. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III chuyên ngành văn hóa

1. Nội dung: Xem xét, thẩm định việc đáp ứng yêu cầu về thực hiện nhiệm vụ, tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa hạng III.

Điều 10. Xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV lên hạng III chuyên ngành văn hóa phải có đủ hồ sơ theo quy định và kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ đạt từ 50 điểm trở lên theo thang điểm 100; trừ trường hợp xét thăng hạng quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

2. Không bảo lưu kết quả các kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Thông tư này theo thẩm quyền được giao cử viên chức tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền được giao tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng